

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST

Ngày : 07/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Lý

Ông Nguyễn Tấn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 100/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh năm 1973 tại Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: phường C, quận D, Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C, sinh năm 1947 và bà: Dương Thị L, sinh năm 1950; chồng: không rõ; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án:

1. Bản án số 440/HSST ngày 16/12/2008 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 43 tháng 21 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Bản án số 255/HSST ngày 15/6/2010 Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Tp. Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 24 tháng tù tại Bản án số 440/HSST ngày 16/12/2008 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 tháng tù;

3. Bản án số 99/HSST ngày 20/4/2011 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 255/HSST ngày 15/6/2010, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 60 tháng tù;

4. Bản án số 824/HSPT ngày 22/8/2011, Tòa án nhân dân Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp phạt phạt của Bản án số 99/HSST ngày 20/4/2011 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 84 tháng tù;

5. Bản án số 49/HSST ngày 28/3/2013 Tòa án nhân dân Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 824/HSPT ngày 22/8/2011, Tòa án nhân dân Hà Nội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 năm 03 tháng 03 ngày tù;

6. Bản án số 102/HSST ngày 24/11/2015, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 49/HSST ngày 28/3/2013 Tòa án nhân dân Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 11 năm 09 tháng 03 ngày tù;

7. Bản án số 110/HSST ngày 20/6/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt tù với Bản án số 102/HSST ngày 24/11/2015, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 năm 09 tháng 03 ngày tù.

8. Bản án số 212/HSST ngày 27/10/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 110/HSST ngày 20/6/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 18 năm 03 tháng 03 ngày tù.

Tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 08/11/2019. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Phường E, quận F, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bảo T1, sinh năm 2000, nơi cư trú: Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Em Đỗ Thị Hà T2, sinh ngày 09/5/2003, nơi cư trú: phường I, quận K, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em T2: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977, là mẹ của em Tiên, nơi cư trú: xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho em Tiên: Ông Lâm Quốc V - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Việt Tiến - Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1975, nơi cư trú: Phường O, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Chị Bùi Thu T, sinh năm 1981, nơi cư trú: phường R, quận S, Tp. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H và Bùi Thu T quen biết với nhau từ trước nên rủ nhau từ Hà Nội vào Tp. Hồ Chí Minh đi chơi. Để có tiền tiêu xài, H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/11/2019, Bùi Thu T điều khiển xe máy biển số 29X2-5121 chở Lê Thị H đến cửa hàng bán chăn gối tại số 89A đường X, Phường T, Quận V mua chăn gối. Khi vào trong cửa hàng, H phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10 của chị Huỳnh Ngọc T để trên bàn tính tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H đến gần, giả vờ xem hàng rồi lợi dụng đông khách, dùng tay phải lấy điện thoại trên bỏ vào túi áo khoác. Sau đó, H và T ra về. H bán điện thoại di động trên với giá 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự điện thoại di động hiệu Samsung S10 trên trị giá 10.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 08/11/2019, Bùi Thu T điều khiển xe máy trên chở Lê Thị H đến cửa hàng địa chỉ số 227 đường Y, Phường G, quận H mua đồ thì H phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 của chị Nguyễn Thị Bảo T1 để trên thùng giấy nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H lợi dụng lúc chị T không chú ý trộm cắp điện thoại trên bỏ vào túi xách rồi cùng T ra khỏi cửa hàng. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự điện thoại di động hiệu Iphone 8 trên trị giá 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 08/11/2019, Bùi Thu T điều khiển xe máy biển số 29X2-5121 chở Lê Thị H đến cửa hàng địa chỉ số 162D đường Z, Phường E, quận F mua quần áo thì H phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 7 của em Đỗ Thị Hà T2 (sinh năm 2003) để trên quầy thu ngân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Cho nên, khi T không mua gì và bỏ đi thì H kêu quay lại mua quần áo. Sau khi mua quần áo cho T, lợi dụng lúc em T2 đang sắp xếp hàng hóa thì H dùng tay phải trộm cắp điện thoại trên bỏ vào túi xách rồi cùng T ra khỏi cửa hàng. Khi cả hai chạy đến ngã ba đường A – đường B, Phường E1, quận F thì bị người dân bắt giữ giao Công an xử lý. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 7 trên trị giá 3.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Riêng đối tượng Bùi Thu T khai nhận chỉ chở H đi mua đồ, không bàn bạc trước và không biết việc H có lấy trộm điện thoại di động trong các cửa hàng, không được H chia tiền từ việc bán điện thoại có được, phù hợp với lời khai của H. Do đó, không có cơ sở khởi tố xử lý T với vai trò đồng phạm.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10 của chị Huỳnh Ngọc T, không thu hồi được, bị hại chị T yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 của chị Nguyễn Thị Bảo T1, bị hại chị T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì.

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 7 của em Đỗ Thị Hà T2, bị hại em Tiên đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì.

- 01 xe máy biển số 29X2-5121 thu giữ của bị cáo. Bị cáo khai thuê xe gắn máy trên của chị Nguyễn Thị Thanh L. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là chị Hoàng Quỳnh A. Chị L cho biết mua xe gắn máy trên từ một người đàn ông không rõ lai lịch cách đây khoảng 01 năm. Khi mua bán, người đàn ông giao cho chị bản chính giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Quỳnh A và 01 bản chính hợp đồng ủy quyền giữa chị Hoàng Quỳnh A cho anh Hồ Văn V. Chị L không cung cấp được hợp đồng mua bán giữ chị và người đàn ông này. Chị L cho Hương thuê xe máy trên để đi lại, không biết việc H trộm cắp tài sản. Chị L có yêu cầu nhận lại xe gắn máy trên.

- 01 đĩa CD và 02 USB chứa hình ảnh ghi nhận hành vi phạm tội của H.

- Thu giữ của H: 2.630.000 đồng, 01 điện thoại di động, quần áo, túi xách.

- Thu giữ của T: 01 điện thoại di động, quần áo.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 03 tháng 03 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về vật chứng và trách nhiệm hình sự thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại em Đỗ Thị Hà T2 có đơn xin vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Thị H, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người đại diện

hợp pháp của bị hại, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10 trị giá 10.000.000 đồng của chị Huỳnh Ngọc T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 trị giá 8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Bảo T1 và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 7 trị giá 5.000.000 đồng của em Đỗ Thị Hà T2, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã liên tục tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm nguy hiểm”; bị cáo đã 08 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo không có việc làm, lấy kết quả của các lần trộm cắp được để có tiền sinh sống, nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Có tính chất chuyên nghiệp”, là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo chưa chấp hành hình phạt 18 năm 03 tháng 03 ngày tù tại Bản án số 212/HSST ngày 27/10/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 2 Điều 56 để tổng hợp hình phạt của Bản án số 212/HSST ngày 27/10/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội với bản án này.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi một phần và trả lại cho bị hại, đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Bảo T1 và em Đỗ Thị Hà T2 đã nhận lại tài sản, chị T1, em T2 và người đại diện hợp pháp của em T2 không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại chị Huỳnh Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng là trị giá điện thoại bị bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được, bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về tang vật vụ án:

- 01 xe máy biển số 29X2-5121 thu giữ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy xe gắn máy trên có nguồn gốc chưa rõ ràng, cần giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo tìm chủ sở hữu trong một thời gian nhất định, quá thời hạn trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh L.

- 01 đĩa CD và 02 USB chứa hình ảnh ghi nhận hành vi phạm tội của Hương là chứng cứ của vụ án và có thể lưu giữ được trong hồ sơ vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1010 màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, 01 mũ bảo hiểm màu hồng đen, 01 túi xách màu nâu vàng, 01 áo màu xanh và 01 quần dài màu đen thu giữ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 2.630.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn) đồng thu giữ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo khai đây là tiền sau khi bị cáo bán điện thoại của chị Huỳnh Ngọc T tiêu xài còn lại, nên cần giao trả số tiền trên này cho chị Trăm. Bị cáo còn phải bồi thường cho chị Trăm số tiền 7.370.000 đồng.

- 01 áo dài tay màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 6 Pro màu đen thu giữ của Bùi Thu T. Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, hiện không xác định được nơi cư trú của Thủy nên cần giao trả Công an quận Tân Bình để giải quyết theo thẩm quyền.

[6] Đối với hành vi của Bùi Thu T, Bùi Thu T khai nhận chỉ chở Hương đi mua đồ, không bàn bạc trước và không biết trước việc H có lấy trộm điện thoại di động trong các cửa hàng, không được H chia tiền từ việc bán điện thoại có được, tuy nhiên sau khi bị cáo H và T ra khỏi cửa hàng Mẹ và Bé (số 227 đường Y, Phường G, quận H), bị cáo và T ra xe, trên đường đi, bị cáo H có nói cho Thủy biết vừa lấy trộm lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8plus của chị Nguyễn Thị Bảo T1 thì T không nói gì và sợ bị công an bắt giữ nên đã tăng ga bỏ chạy; cả hai tiếp tục đi đến cửa hàng bán quần áo tại địa chỉ 162D đường Z, Phường E, quận F, bị cáo H lại tiếp tục lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động của em Đỗ Thị Hà T2 và đi ra xe, T chở bị cáo H, bị cáo H nói “phóng nhanh lên, nó không để ý tao lấy được điện thoại”, (bút lục số 201-205, 218-221). Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở khởi tố xử lý T với vai trò đồng phạm “Trộm cắp tài sản” với Hương là có cơ sở, tuy nhiên việc Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bùi Thu T về tội “Che giấu tội phạm” là bỏ lọt người phạm tội, nên cần kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp trên, Tòa án nhân dân cấp trên xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Bùi Thu T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Lê Thị H 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 18 (mười tám) năm 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù tại Bản án số 212/HSST ngày 27/10/2017 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22 (hai mươi hai) năm 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2019 (Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2008 đến ngày 24/11/2008, từ ngày 12/4/2010 đến ngày 20/4/2010, từ ngày 03/11/2012 đến ngày 12/11/2012 và từ ngày 08/7/2015 đến ngày 13/7/2015).

[2] Buộc bị cáo bồi thường cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 7.370.000 (bảy triệu ba trăm bảy mươi ngàn) đồng.

[3] Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa CD và 02 USB chứa hình ảnh toàn bộ vụ việc.

Giao cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 2.630.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn) đồng.

Giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình đăng báo tìm chủ sở hữu 01 xe máy biển số 29X2-5121, số khung: 208938, số máy: 6208967 trong thời gian 01 năm, quá thời hạn trên không có ai đến nhận thì lập thủ tục trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh L.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1010 màu đen, số imei: 35576310210718; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, 01 mũ bảo hiểm màu hồng đen, 01 túi xách màu nâu vàng, 01 áo màu xanh và 01 quần dài màu đen. (nhưng tạm giữ cho đến khi bị cáo thi hành xong trách nhiệm dân sự).

Giao Công an quận Tân Bình: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 6 Pro màu đen, số imei 1: 861250045706057, số imei 2: 861250047206056 và 01 áo dài tay màu đen để giải quyết theo thẩm quyền.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 19/PNK ngày 22/01/2020 và 85/PNK ngày 27/5/2020 của Công an quận Tân Bình).

[4] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 368.500 (ba trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày chị Huỳnh Ngọc T có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản như đã nêu trên, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành

án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[5] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp trên, Tòa án nhân dân cấp trên xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Bùi Thu T về hành vi phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, Người ĐDHP;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Đức Thụ